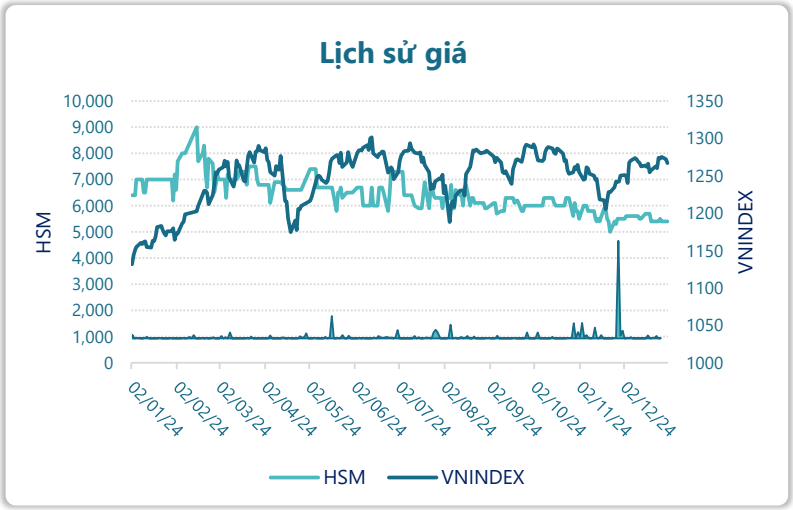
FireAnt

Tổng CTCP Dệt May Hà Nội (UPCOM: HSM)



Thông tin giao dịch	31/12/2024
Giá hiện tại (VNĐ)	**5,400**
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	9,000
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	5,000
SL cổ phiếu LH	20,500,000
KLGD BQ 20 phiên (CP)	625
% sở hữu nước ngoài	0.0%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	111
P/E	-1.5
EPS	-3,485

DT thuần

Q4/24

299

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 7.00| 2.3%

YoY: ▼16.0| -5.1%

LN sau thuế

Q4/24

-1.21

tỷ VNĐ

QoQ: ▼6.71| -122%

YoY: ▲ 65.8| 98.2%

Tỷ suất lãi EBIT

2024

-3.1%

+/- YoY: ▲ 1.4%

DT thuần

2024

1,115

tỷ VNĐ

YoY: ▼183| -14.1%

LN sau thuế

2024

-79.1

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 42.9| 34.9%

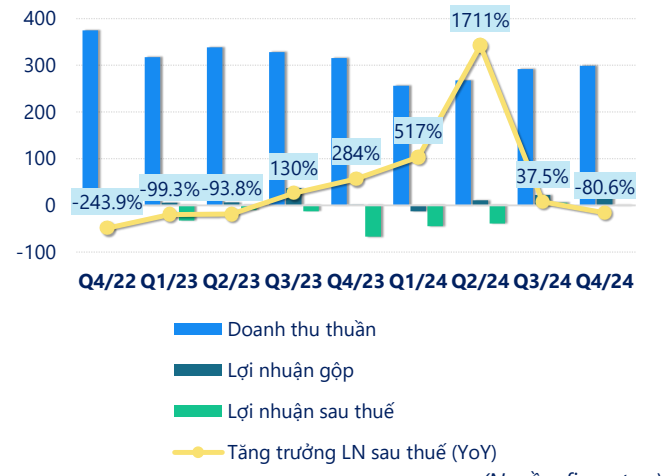
ROE

2024

-17.1%

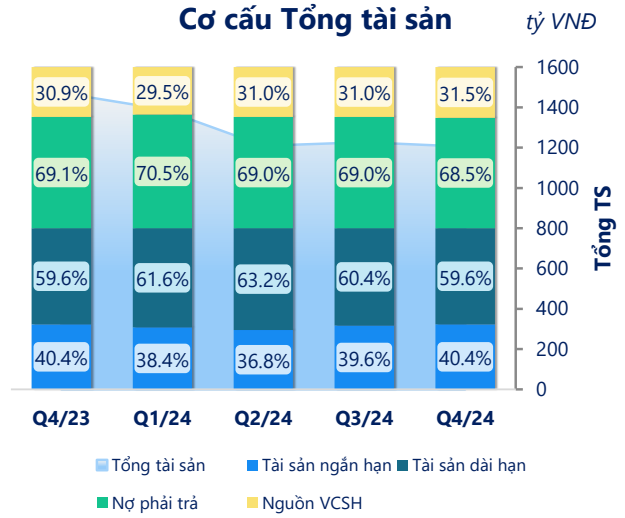
+/- YoY: ▲ 5.5%

Kết quả kinh doanh



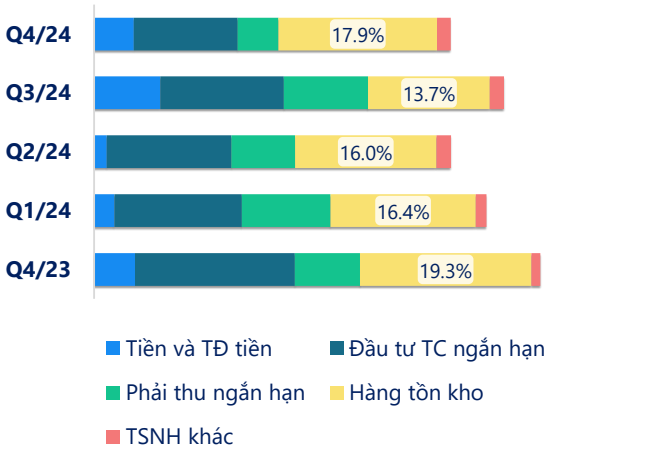
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tổng tài sản



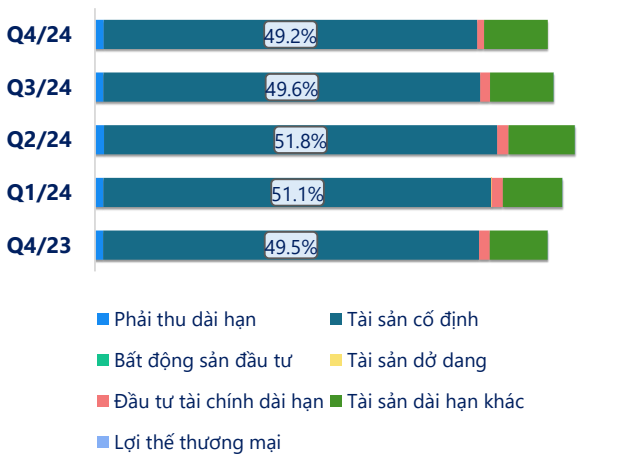
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



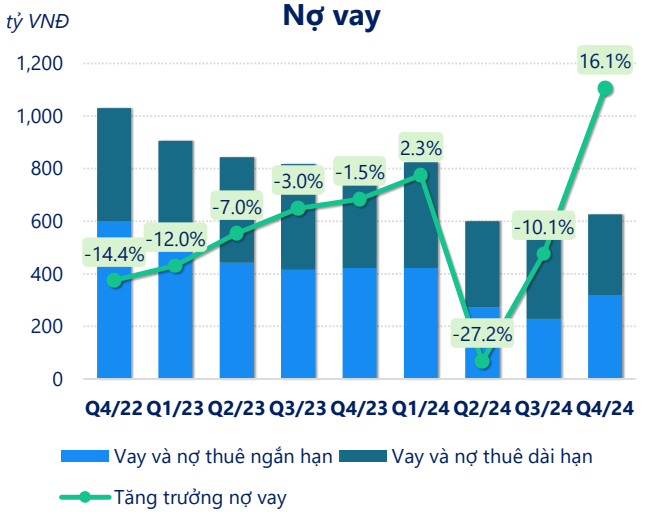
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



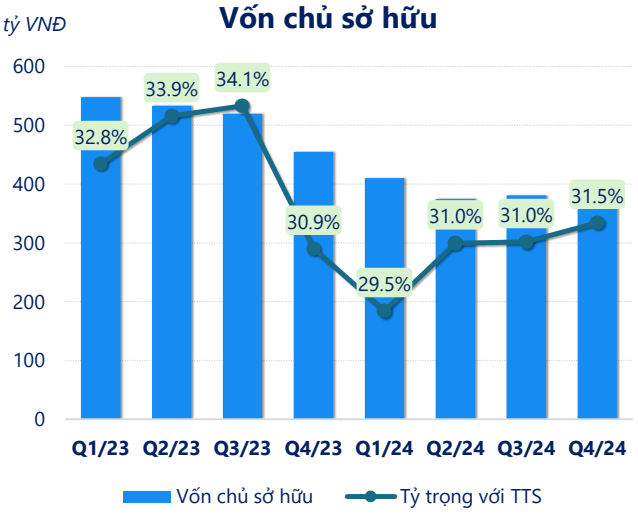
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



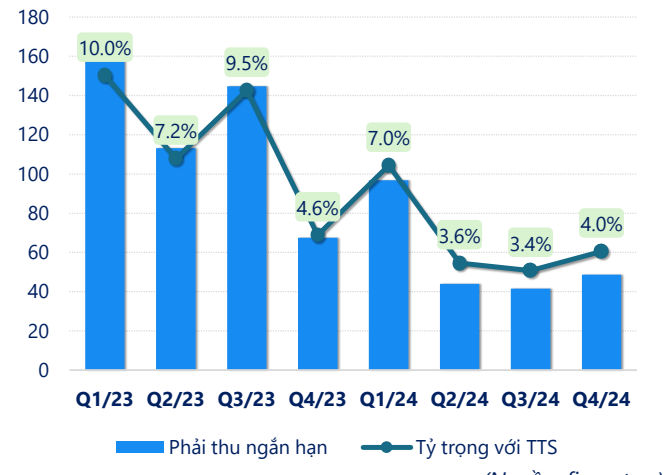
(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu



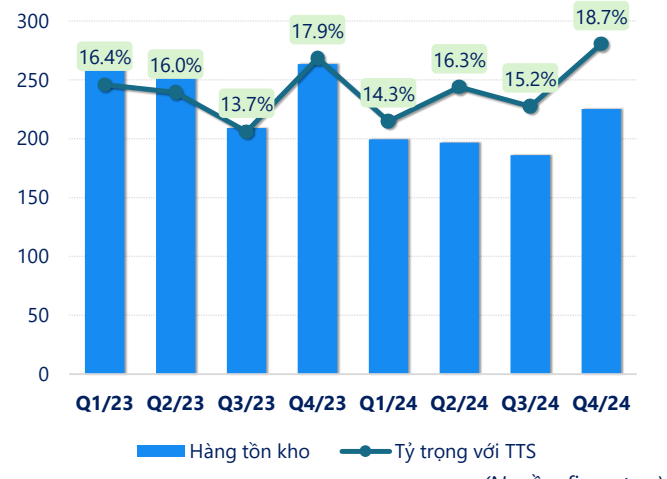
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



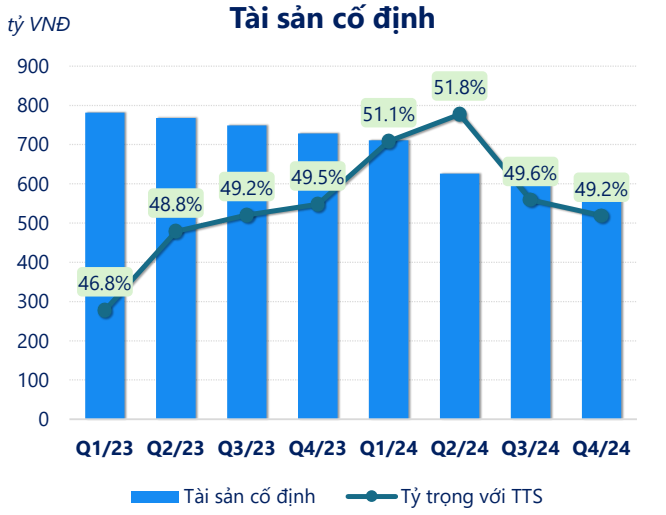
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



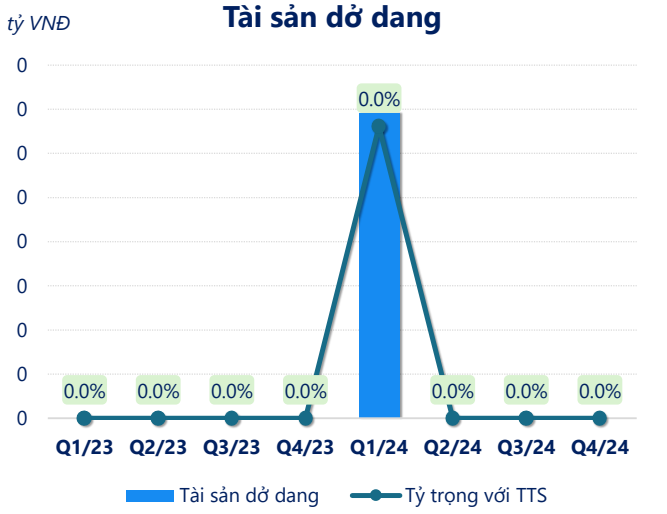
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



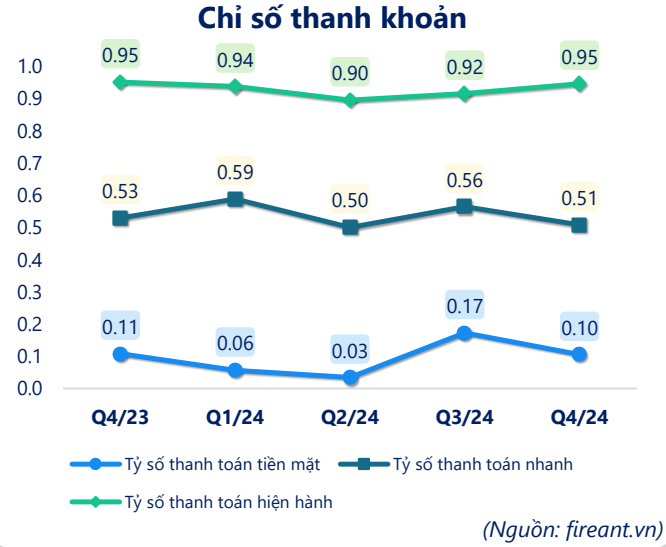
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang



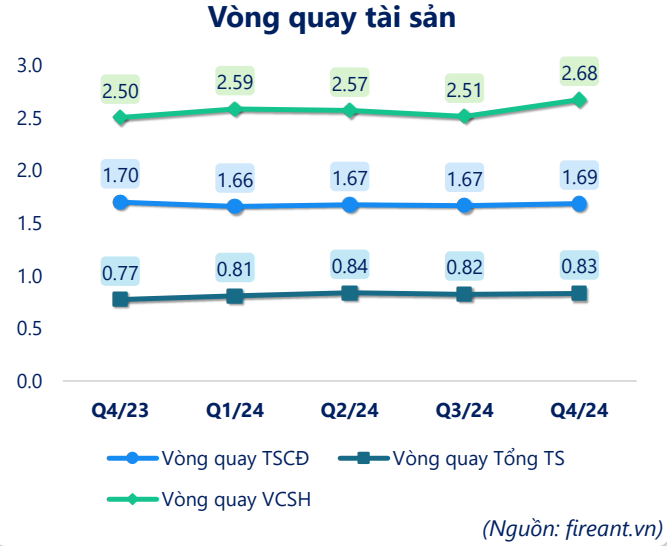
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Q4/23	Q1/24	Q2/24	Q3/24	Q4/24
Tổng tài sản	**1,472**	**1,391**	**1,210**	**1,227**	**1,205**
Tài sản ngắn hạn	**595**	**535**	**445**	**486**	**487**
Tiền và tương đương tiền	67.8	32.1	17.1	91.6	53.9
Đầu tư tài chính ngắn hạn	173	186	171	151	145
Phải thu ngắn hạn	67.5	96.7	44.0	41.5	48.6
Hàng tồn kho	264	199	197	186	225
Tài sản ngắn hạn khác	22.9	21.0	17.0	15.7	13.3
Tài sản dài hạn	**877**	**857**	**764**	**741**	**718**
Phải thu dài hạn	15.8	15.7	14.3	14.0	13.8
Tài sản cố định	728	711	626	608	593
Bất động sản đầu tư	0	0	0	0	0
Tài sản dở dang	0	0.01	0	0	0
Đầu tư tài chính dài hạn	20.7	20.8	17.9	15.5	10.6
Tài sản dài hạn khác	112	109	106	103	101
Lợi thế thương mại	0.18	0.31	0.09	0.04	0
Nợ phải trả	**1,018**	**982**	**835**	**846**	**826**
Nợ ngắn hạn	**625**	**570**	**497**	**531**	**514**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	422	422	273	229	319
Phải trả người bán ngắn hạn	121	79.5	155	227	129
Nợ dài hạn	393	411	337	316	312
Vay và nợ thuê dài hạn	383	402	327	310	306
Nguồn vốn chủ sở hữu	**454**	**410**	**375**	**381**	**379**
Vốn chủ sở hữu	**454**	**410**	**375**	**381**	**379**
Vốn điều lệ	205	205	205	205	205
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)